

**THÔNG BÁO**  
**Cam kết chất lượng giáo dục của Trường Mầm non Đặng Cương**  
**Năm học 2025-2026 (Tháng 9/2025)**

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục dự kiến đạt được	<ul style="list-style-type: none"><li>- 100% số trẻ được đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần trong thời gian trẻ ở trường</li><li>- 100% trẻ đến trường hình thành các thói quen, nề nếp vệ sinh.</li><li>- 100% trẻ được cân đo khám sức khỏe định kỳ, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng xuống còn dưới 2,5%, tỷ lệ ở kênh bình thường đạt 97-&gt;98%</li><li>- 100% số lớp thực hiện có chất lượng chương trình giáo dục mầm non mới.</li><li>- Số lớp thực hiện chương trình xếp loại tốt 16/16 lớp đạt 100%</li><li>- 100% trẻ được theo dõi, đánh giá sự phát triển theo quy định của từng độ tuổi. Trẻ đạt từ 98-&gt;100%, không có trẻ đạt yêu cầu. Tỷ lệ chuyên cần đạt 93-&gt;98%</li><li>- Bé khỏe ngoan cấp trường 80%, bé khỏe ngoan xuất sắc đề nghị Phòng Giáo dục khen thưởng là 10-&gt;12%</li></ul>	
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Thực hiện theo thông tư số 51/2020 ngày 31/12/2020 của Bộ giáo dục và đào tạo sửa đổi bổ sung một số nội dung của chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ giáo dục đào tạo đã được sửa đổi bổ sung bởi thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016	
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thể chất: 96-100%</li><li>- Nhận thức: 96-100%</li><li>- Ngôn ngữ: 98-100%</li><li>- Tình cảm KNXH và thẩm mỹ: 97-100%</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thể chất: 98-100%</li><li>- Nhận thức: 98-100%</li><li>- Ngôn ngữ: 98-100%</li><li>- Tình cảm KNXH: 98-100%</li><li>- Thẩm mỹ: 98-100%</li></ul>
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở trường	<ul style="list-style-type: none"><li>- Hoạt động các ngày hội ngày lễ, thăm quan trải nghiệm thực tế</li><li>- Phát huy công tác y tế chăm sóc sức khỏe vệ sinh phòng bệnh, phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ</li><li>- Tuyên truyền kiến thức, phối kết hợp với phụ huynh và cộng đồng về chăm sóc giáo dục trẻ tại trường</li><li>- Kiểm tra giám sát công tác quản lý, chỉ đạo tổ chức giờ ăn, vệ sinh, hoạt động cho trẻ</li><li>- Đảm bảo an toàn, an ninh, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh an toàn thực phẩm, công tác y tế</li><li>- Phối hợp với y tế và chính quyền địa phương thích ứng an toàn linh hoạt trong tổ chức hoạt động giáo dục và phòng chống dịch bệnh sốt xuất huyết, cúm a,b...</li><li>- Làm tốt công tác truyền thông tuyên truyền phối hợp với cha mẹ trong chăm sóc giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ tại gia đình</li></ul>	

An Dương, ngày 29 tháng 9 năm 2025



HIỆU TRƯỞNG

Đặng Thanh Giang

**THÔNG BÁO**  
**Cam kết chất lượng giáo dục của Trường Mầm non Đặng Cương**  
**Năm học 2025-2026 (Tháng 9/2025)**

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục dự kiến đạt được	<ul style="list-style-type: none"><li>- 100% số trẻ được đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần trong thời gian trẻ ở trường</li><li>- 100% trẻ đến trường hình thành các thói quen, nề nếp vệ sinh.</li><li>- 100% trẻ được cân đo khám sức khỏe định kỳ, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng xuống còn dưới 2,5%, tỷ lệ ở kênh bình thường đạt 97-&gt;98%</li><li>- 100% số lớp thực hiện có chất lượng chương trình giáo dục mầm non mới.</li><li>- Số lớp thực hiện chương trình xếp loại tốt 16/16 lớp đạt 100%</li><li>- 100% trẻ được theo dõi, đánh giá sự phát triển theo quy định của từng độ tuổi.</li><li>Trẻ đạt từ 98-&gt;100%, không có trẻ đạt yêu cầu. Tỷ lệ chuyên cần đạt 93-&gt;98%</li><li>- Bé khỏe ngoan cấp trường 80%, bé khỏe ngoan xuất sắc đề nghị Phòng Giáo dục khen thưởng là 10-&gt;12%</li></ul>	
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Thực hiện theo thông tư số 51/2020 ngày 31/12/2020 của Bộ giáo dục và đào tạo sửa đổi bổ sung một số nội dung của chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ giáo dục đào tạo đã được sửa đổi bổ sung bởi thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016	
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thể chất: 96-100%</li><li>- Nhận thức: 96-100%</li><li>- Ngôn ngữ: 98-100%</li><li>- Tình cảm KNXH và thẩm mỹ: 97-100%</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thể chất: 98-100%</li><li>- Nhận thức: 98-100%</li><li>- Ngôn ngữ: 98-100%</li><li>- Tình cảm KNXH: 98-100%</li><li>- Thẩm mỹ: 98-100%</li></ul>
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở trường	<ul style="list-style-type: none"><li>- Hoạt động các ngày hội ngày lễ, thăm quan trải nghiệm thực tế</li><li>- Phát huy công tác y tế chăm sóc sức khỏe vệ sinh phòng bệnh, phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ</li><li>- Tuyên truyền kiến thức, phối kết hợp với phụ huynh và cộng đồng về chăm sóc giáo dục trẻ tại trường</li><li>- Kiểm tra giám sát công tác quản lý, chỉ đạo tổ chức giờ ăn, vệ sinh, hoạt động cho trẻ</li><li>- Đảm bảo an toàn, an ninh, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh an toàn thực phẩm, công tác y tế</li><li>- Phối hợp với y tế và chính quyền địa phương thích ứng an toàn linh hoạt trong tổ chức hoạt động giáo dục và phòng chống dịch bệnh sốt xuất huyết, cúm a,b...</li><li>- Làm tốt công tác truyền thông tuyên truyền phối hợp với cha mẹ trong chăm sóc giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ tại gia đình</li></ul>	

An Dương, ngày 29 tháng 9 năm 2025



**HIỆU TRƯỞNG**

**Đặng Thanh Giang**

## THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục thực tế năm học 2025-2026 (Tháng 9/2025)

Nội dung		Kết quả thực tế đạt được trong năm học									
		Toàn trường			Trong đó chia ra						
		Kết quả đạt được		Đánh giá mức độ đạt được so với dự kiến đầu năm học	Nhà trẻ			Mẫu giáo			
		Số lượng trẻ	Đạt tỷ lệ		3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi	
Huy động trẻ	Tổng số trẻ đi học	604					113	139	179	173	
	Trẻ học nhóm ghép										
	Trẻ học 2 buổi/ ngày	604					113	139	179	173	
	Trẻ khuyết tật học hòa nhập										
Chất lượng nuôi dưỡng trẻ	Trẻ được tổ chức ăn bán trú	604					113	139	179	173	
	Trẻ được cung cấp chế độ và khẩu phần ăn đảm bảo theo nhu cầu khuyến nghị	604					113	139	179	173	
Chất lượng chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn cho trẻ	Trẻ được khám sức khỏe định kỳ	604					113	139	179	173	
	Trẻ được cân đo, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định	604					113	139	179	173	
	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ	Trẻ có cân nặng bình thường	579					108	136	173	162
		Trẻ có chiều cao bình thường	596					108	138	179	171
		Trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân	9					4	1	1	3
		Trẻ suy dinh dưỡng thấp còi	7					5	1	0	1
		Trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm	3					1	0	1	1
		Trẻ thừa cân	15					1	7	1	6
Trẻ béo phì	12					1	0	4	7		
Trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần	604						113	139	179	173	

Nội dung		Kết quả thực tế đạt được trong năm học									
		Toàn trường			Trong đó chia ra						
		Kết quả đạt được		Đánh giá mức độ đạt được so với dự kiến đầu năm học	Nhà trẻ			Mẫu giáo			
		Số lượng trẻ	Đạt tỷ lệ		3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi	
Chất lượng giáo dục trẻ	Trẻ đi học chuyên cần		580					105	130	175	170
	Đánh giá chất lượng giáo dục trẻ	Trẻ được đánh giá ở mức "Đạt"									
		Trẻ được đánh giá ở mức "Cơ bản"									
		Trẻ được đánh giá ở mức "Chưa đạt"									
	Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN		148								148
Trẻ khuyết tật học hòa nhập được đánh giá có tiến bộ											

An Dương, ngày 29 tháng 9 năm 2025



**HIỆU TRƯỞNG**

**Dặng Thanh Giang**

## THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục thực tế năm học 2025-2026 (Tháng 9/2025)

Nội dung		Kết quả thực tế đạt được trong năm học									
		Toàn trường			Trong đó chia ra						
		Kết quả đạt được		Đánh giá mức độ đạt được so với dự kiến đầu năm học	Nhà trẻ			Mẫu giáo			
		Số lượng trẻ	Đạt tỷ lệ		3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi	
Huy động trẻ	Tổng số trẻ đi học	604					113	139	179	173	
	Trẻ học nhóm ghép										
	Trẻ học 2 buổi/ ngày	604					113	139	179	173	
	Trẻ khuyết tật học hòa nhập										
Chất lượng nuôi dưỡng trẻ	Trẻ được tổ chức ăn bán trú	604					113	139	179	173	
	Trẻ được cung cấp chế độ và khẩu phần ăn đảm bảo theo nhu cầu khuyến nghị	604					113	139	179	173	
Chất lượng chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn cho trẻ	Trẻ được khám sức khỏe định kỳ	604					113	139	179	173	
	Trẻ được cân đo, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định	604					113	139	179	173	
	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ	Trẻ có cân nặng bình thường	579					108	136	173	162
		Trẻ có chiều cao bình thường	596					108	138	179	171
		Trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân	9					4	1	1	3
		Trẻ suy dinh dưỡng thấp còi	7					5	1	0	1
		Trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm	3					1	0	1	1
		Trẻ thừa cân	15					1	7	1	6
		Trẻ béo phì	12					1	0	4	7
	Trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần	604					113	139	179	173	

Nội dung		Kết quả thực tế đạt được trong năm học									
		Toàn trường			Trong đó chia ra						
		Kết quả đạt được		Đánh giá mức độ đạt được so với dự kiến đầu năm học	Nhà trẻ			Mẫu giáo			
		Số lượng trẻ	Đạt tỷ lệ		3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi	
Chất lượng giáo dục trẻ	Trẻ đi học chuyên cần		580					105	130	175	170
	Đánh giá chất lượng giáo dục trẻ	Trẻ được đánh giá ở mức "Đạt"									
		Trẻ được đánh giá ở mức "Cơ bản"									
		Trẻ được đánh giá ở mức "Chưa đạt"									
	Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN		148								
Trẻ khuyết tật học hòa nhập được đánh giá có tiến bộ											

An Dương, ngày 29 tháng 9 năm 2025

**HIỆU TRƯỞNG**



**Đặng Thanh Giang**

UBND PHƯỜNG AN DƯƠNG  
TRƯỜNG MẦM NON ĐẶNG CƯƠNG

**THÔNG BÁO**

Công khai thông tin cơ sở vật chất năm học 2025-2026(Tháng 9/2025)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
<b>I</b>	<b>Tổng số phòng</b>	<b>16</b>	<b>Số m2/ trẻ em</b>
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>		
1	Phòng học kiên cố	16	
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>	<b>1</b>	
<b>IV</b>	<b>Tổng diện tích đất toàn trường (m2)</b>	<b>9119,0</b>	<b>15,1 m2/ 1 trẻ</b>
<b>V</b>	<b>Tổng diện tích sân chơi (m2)</b>	<b>2 500</b>	<b>5,21 m2/ 1 trẻ</b>
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích một số loại phòng</b>		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m2)	800	1,7 m2/ 1 trẻ
2	Diện tích phòng ngủ (m2)	520	1,1 m2/1 trẻ
3	Diện tích phòng vệ sinh (m2)	120	0,25 m2/ 1 trẻ
4	Diện tích hiên chơi (m2)	157	0,33 m2/ 1 trẻ
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m2)		
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m2)	50	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m2)	105	0,24 m2/ 1 trẻ
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu</b>	<b>1 678</b>	<b>105 bộ/ 1 lớp</b>
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	1 678	105 bộ/ 1 lớp
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu theo quy định		
<b>VIII</b>	<b>Tổng số đồ chơi ngoài trời</b>	<b>7</b>	<b>07 bộ/ sân chơi</b>
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị điện tử- tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số ...)</b>	<b>22</b>	<b>16 bộ/ 16 lớp</b>
<b>X</b>	<b>Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)</b>		<b>Số thiết bị/ lớp</b>



UBND PHƯỜNG AN DƯƠNG  
TRƯỜNG MẦM NON ĐẶNG CƯƠNG

**THÔNG BÁO**

Công khai thông tin cơ sở vật chất năm học 2025-2026(Tháng 9/2025)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
<b>I</b>	<b>Tổng số phòng</b>	<b>16</b>	<b>Số m<sup>2</sup>/ trẻ em</b>
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>		
1	Phòng học kiên cố	16	
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>	<b>1</b>	
<b>IV</b>	<b>Tổng diện tích đất toàn trường (m<sup>2</sup>)</b>	<b>9119,0</b>	<b>15,1 m<sup>2</sup>/ 1 trẻ</b>
<b>V</b>	<b>Tổng diện tích sân chơi (m<sup>2</sup>)</b>	<b>2 500</b>	<b>5,21 m<sup>2</sup>/ 1 trẻ</b>
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích một số loại phòng</b>		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m <sup>2</sup> )	800	1,7 m <sup>2</sup> / 1 trẻ
2	Diện tích phòng ngủ (m <sup>2</sup> )	520	1,1 m <sup>2</sup> /1 trẻ
3	Diện tích phòng vệ sinh (m <sup>2</sup> )	120	0,25 m <sup>2</sup> / 1 trẻ
4	Diện tích hiên chơi (m <sup>2</sup> )	157	0,33 m <sup>2</sup> / 1 trẻ
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m <sup>2</sup> )		
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m <sup>2</sup> )	50	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m <sup>2</sup> )	105	0,24 m <sup>2</sup> / 1 trẻ
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu</b>	<b>1 678</b>	<b>105 bộ/ 1 lớp</b>
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	1 678	105 bộ/ 1 lớp
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu theo quy định		
<b>VIII</b>	<b>Tổng số đồ chơi ngoài trời</b>	<b>7</b>	<b>07 bộ/ sân chơi</b>
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị điện tử- tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số ...)</b>	<b>22</b>	<b>16 bộ/ 16 lớp</b>
<b>X</b>	<b>Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)</b>		<b>Số thiết bị/ lớp</b>

2	Trang phục biểu diễn	205	
---	----------------------	-----	--

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng (m2)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m2/ trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh	1		16		0,4
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh					

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	1	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	1	
XIV	Kết nối internet	2	
XV	Trang thông tin điện tử (Website) của nhà trường	1	
XVI	Tường rào xây	1	
...	...		

An Dương, ngày 29 tháng 9 năm 2025



**Đặng Thanh Giang**

UBND PHƯỜNG AN DƯƠNG  
TRƯỜNG MẦM NON ĐẶNG CƯƠNG

**THÔNG BÁO**  
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên  
Năm học 2025-2026 (Tháng 9/2025)

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp				
			Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Dưới chuẩn	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Kém
<b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên</b>		54		1	32	10	8	3	1	22	11	2	0	0	0	
<b>I</b>	<b>Giáo viên</b>	34			29	4	1		1	22	10	0	0	0	0	
1	Nhà trẻ	8			6	1	1		1		10					
2	Mẫu giáo	26			23	3	0			22						
<b>II</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	3		1	2					0	1	2	0	0		
1	Hiệu trưởng	1		1								2				
2	Phó hiệu trưởng	2			2						1					
<b>III</b>	<b>Nhân viên</b>	17			1	6	7	3								
1	Nhân viên văn thư	0														
2	Nhân viên kế toán	1			1											
3	Thủ quỹ															
4	Nhân viên y tế	1				1										
5	Nhân viên nuôi dưỡng	11				5	6									
6	Nhân viên khác: Lao công, bảo vệ	4					1	3								

An Dương, ngày 29 tháng 9 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Đặng Thanh Giang

UBND PHƯỜNG AN DƯƠNG  
TRƯỜNG MẦM NON ĐẶNG CƯƠNG

**THÔNG BÁO**  
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên  
Năm học 2025-2026 (Tháng 9/2025)

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp				
			Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Dưới chuẩn	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Kém
<b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên</b>		<b>54</b>		<b>1</b>	<b>32</b>	<b>10</b>	<b>8</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>22</b>	<b>11</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>I</b>	<b>Giáo viên</b>	<b>34</b>			<b>29</b>	<b>4</b>	<b>1</b>		<b>1</b>	<b>22</b>	<b>10</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Nhà trẻ	8			6	1	1		1		10					
2	Mẫu giáo	26			23	3	0			22						
<b>II</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	<b>3</b>		<b>1</b>	<b>2</b>					<b>0</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
1	Hiệu trưởng	1		1								2				
2	Phó hiệu trưởng	2			2						1					
<b>III</b>	<b>Nhân viên</b>	<b>17</b>			<b>1</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>3</b>								
1	Nhân viên văn thư	0														
2	Nhân viên kế toán	1			1											
3	Thủ quỹ															
4	Nhân viên y tế	1				1										
5	Nhân viên nuôi dưỡng	11				5	6									
6	Nhân viên khác: Lao công, bảo vệ	4					1	3								

An Dương, ngày 29 tháng 9 năm 2025



HIỆU TRƯỞNG

Đặng Thanh Giang

**CÔNG KHAI KẾ HOẠCH THU - CHI TÀI CHÍNH NĂM HỌC 2025 - 2026**

STT	Nội dung thu	Mức thu	Nội dung chi
1	Đồ dùng trang thiết bị chăm sóc bán trú	HS mới: 360.000 đồng/ 1HS/năm HS cũ: 200.000 đồng/ 1HS/năm	100% chi mua đồ dùng vệ sinh, ăn, ngủ phục vụ công tác bán trú, nuôi dưỡng
2	Vận động tài trợ	Vận động trên tinh thần tự nguyện	100% chi Làm nhà kho lớp NT1, lắp đặt đường dẫn nước nóng lạnh 6 lớp khu nhà A, lắp đặt 3 máy điều hòa nhiệt độ, mua bộ đồ chơi ngoài trời, đầu tư bộ loa máy phục vụ ngày hội ngày lễ cho trẻ.
3	Hỗ trợ người nấu ăn phục vụ chăm ăn	150 000đồng/ 1HS/ 1tháng	100% chi lương cho người nấu ăn chăm ăn, đóng bảo hiểm, nộp thuế TNDN
4	Quản lý trẻ ngoài giờ hành chính	15.000đ/ngày/trẻ	98% chi cho CBGVNV làm nhiệm vụ quản lý trẻ ngoài giờ hành chính, 2% chi nộp thuế TNDN
5	Phục vụ ăn bán trú	28.000 đ/HS/ngày trong đó: - 24.000 đ/1HS/ngày - 4.000 đ/HS/ngày	-100% chi mua Thực phẩm nấu ăn cho trẻ, - 4.000 đ chi mua nhiên liệu chất đốt nấu ăn cho trẻ
6	Tiếng Anh	220.000đồng/ 1HS/ tháng ( học sinh đăng ký theo nhu cầu)	80% trả học phí cho công ty Tiếng anh 20% trích về trường trong đó: 2% chi thuế TNDN, 10% chi cho GV, 2% chi cho CBQL, 6% chi cho CSVC

An Dương, ngày 29 tháng 9 năm 2025



Hiệu trưởng

Đặng Thanh Giang

**CÔNG KHAI KẾ HOẠCH THU - CHI TÀI CHÍNH NĂM HỌC 2025 - 2026**

STT	Nội dung thu	Mức thu	Nội dung chi
1	Đồ dùng trang thiết bị chăm sóc bán trú	HS mới: 360.000 đồng/ 1HS/năm HS cũ: 200.000 đồng/ 1HS/năm	100% chi mua đồ dùng vệ sinh, ăn, ngủ phục vụ công tác bán trú, nuôi dưỡng
2	Vận động tài trợ	Vận động trên tinh thần tự nguyện	100% chi Làm nhà kho lớp NT1, lắp đặt đường dẫn nước nóng lạnh 6 lớp khu nhà A, lắp đặt 3 máy điều hòa nhiệt độ, mua bộ đồ chơi ngoài trời, đầu tư bộ loa máy phục vụ ngày hội ngày lễ cho trẻ.
3	Hỗ trợ người nấu ăn phục vụ chăm ăn	150 000đồng/ 1HS/ 1tháng	100% chi lương cho người nấu ăn chăm ăn, đóng bảo hiểm, nộp thuế TNDN
4	Quản lý trẻ ngoài giờ hành chính	15.000đ/ngày/trẻ	98% chi cho CBGVNV làm nhiệm vụ quản lý trẻ ngoài giờ hành chính, 2% chi nộp thuế TNDN
5	Phục vụ ăn bán trú	28.000 đ/HS/ngày trong đó: - 24.000 đ/1HS/ngày - 4.000 đ/HS/ngày	-100% chi mua Thực phẩm nấu ăn cho trẻ, - 4.000 đ chi mua nhiên liệu chất đốt nấu ăn cho trẻ
6	Tiếng Anh	220.000đồng/ 1HS/ tháng ( học sinh đăng ký theo nhu cầu)	80% trả học phí cho công ty Tiếng anh 20% trích về trường trong đó: 2% chi thuế TNDN, 10% chi cho GV, 2% chi cho CBQL, 6% chi cho CSVC

An Dương, ngày 29 tháng 9 năm 2025



Hiệu trưởng

Đặng Thanh Giang